

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000678

Trang : 1/3

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Xuân Vũ</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ngô Ngọc Linh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ngô Việt Khoa</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Đỗ Phạm</i>
---	--	---	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150081	HUỖNH QUỐC BẢO	21/02/2004	CCQ2215C		1	<i>Bảo</i>	5,0	3,3	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150078	LƯƠNG VĂN BÌNH	24/10/2004	CCQ2215C		1	<i>Bình</i>	5,5	5,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060002	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/07/2002	CCQ2006A		1	<i>Chung</i>	6,8	5,5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150090	NGUYỄN VĂN CHƯƠng	17/04/2004	CCQ2215C		1	<i>Chương</i>	7,5	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150080	NGUYỄN DUY CƯỜNG	21/04/2004	CCQ2215C		1	<i>Cường</i>	6,8	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150068	NGÔ THANH ĐIỀU	14/08/2004	CCQ2215C		1	<i>Điều</i>	8	8,8	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150069	HỨA HẢI DƯƠNG	27/10/2004	CCQ2215C		1	<i>Hải</i>	✓	✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150052	TRẦN MINH DƯƠNG	20/04/2004	CCQ2215C		1	<i>Dương</i>	6,8	8,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	25/04/2004	CCQ2215C		1	<i>Đạt</i>	7,2	8,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150053	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	CCQ2215C		1	<i>Đạt</i>	✓	✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150046	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	10/11/2004	CCQ2215C		1	<i>Đình</i>	6,8	5,0	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150077	NGUYỄN DUY ĐÔNG	15/07/2004	CCQ2215C		1	<i>Đông</i>	6,3	5,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150065	NGUYỄN NGỌC HẢI	28/12/2004	CCQ2215C		1	<i>Hải</i>	6,8	6,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150057	HUỖNH HUY HÙNG	17/08/2004	CCQ2215C		1	<i>Hùng</i>	7,2	3,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150061	PHẠM VĂN HÙNG	25/08/2004	CCQ2215C		1	<i>Hùng</i>	5	4,0	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150054	ĐẶNG QUANG HUY	08/04/2003	CCQ2215C		1	<i>Huy</i>	6,5	5,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150060	NGUYỄN QUANG HUY	07/10/2004	CCQ2215C		1	<i>Huy</i>	5	6,3	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150045	NGUYỄN TẤN HUY	24/01/2004	CCQ2215C		1	<i>Huy</i>	7,5	6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150075	TRẦN ĐÌNH HUY	30/03/2004	CCQ2215C		1	<i>Huy</i>	✓	✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150074	TRẦN QUANG HUY	27/08/2004	CCQ2215C		1	<i>Huy</i>	7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000678

Trang : 2/3

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: **37**

Số bài thi: **37**

Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Khoa Văn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ngô Ngọc Bích</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ngô Việt Khoa</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Đỗ Phạm</i>
--	--	---	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150098	TRẦN HOÀNG HƯNG	10/09/2003	CCQ2215C		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150063	TRƯƠNG GIA KIẾN	22/01/2004	CCQ2215C		1	<i>Kiến</i>	5	2,3	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150099	PHAN VĂN KIẾT	23/05/2004	CCQ2215C		2	<i>Phan Văn Kiệt</i>	8,5	9,8	9,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150044	LA NGỌC LỄ	29/08/2004	CCQ2215C		1	<i>Ngọc Lễ</i>	5,5	5,3	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150066	NGUYỄN THÀNH LONG	24/08/2004	CCQ2215D		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122150100	VÕ THÀNH LONG	21/11/2004	CCQ2215D		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122150083	LÊ ĐỨC LỘC	23/11/2004	CCQ2215D		1	<i>Lộc</i>	5,5	5	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122150067	NGUYỄN ĐỨC LỘC	23/10/2004	CCQ2215D		1	<i>Đức Lộc</i>	7	5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122150089	TRƯƠNG CÔNG LÝ	28/09/2004	CCQ2215D		1	<i>Lý</i>	6	4,3	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122150093	NGUYỄN VĂN MƯỚP	27/08/2004	CCQ2215D		1	<i>Mướp</i>	8	7	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122150079	NGUYỄN TRẦN HOÀI NAM	22/02/2004	CCQ2215D		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122150072	TRẦN TRUNG NGUYỄN	20/07/2004	CCQ2215D		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121150031	TRẦN THANH PHÚ	07/03/2003	CCQ2115A		1	<i>Phú</i>	6,0	4,3	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122150070	HOÀNG THẾ QUANG	22/08/2004	CCQ2215D		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122150091	TRẦN DANH QUỐC	29/11/2004	CCQ2215D		1	<i>Quốc</i>	4	0	1,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122150058	ĐÌNH HỮU NGÔ QUYỀN	28/09/2004	CCQ2215D		1	<i>Quyền</i>	8	8,5	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122150059	NGUYỄN TẤN THÀNH	16/05/2004	CCQ2215D		1	<i>Thành</i>	6	8	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122150064	PHAN CHÍ THIÊN	21/11/2004	CCQ2215D		1	<i>Thiên</i>	6	7,3	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122150048	NGUYỄN ANH THỊNH	10/12/2004	CCQ2215D		1	✓	✓			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122150085	VÕ ĐỨC THỊNH	16/11/2004	CCQ2215D		1	<i>Thịnh</i>	9,5	7,5	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000678

Trang : 3/3

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

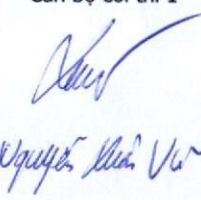
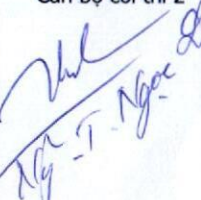
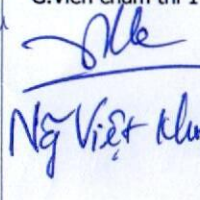
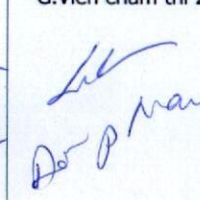
Giờ: **12:30**

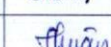
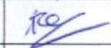
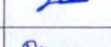
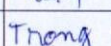
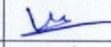
Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Thanh Văn	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Ngọc Linh	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Việt Khoa	G.Viên chấm thi 2  Đỗ P. Nam
---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122150055	HUỲNH THUẬN	18/09/2004	CCQ2215D		1		8	8	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2122150073	VŨ TRỌNG	28/08/2004	CCQ2215D		1		8,5	8	8,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2122150071	TÔ MINH	30/05/2003	CCQ2215D			V	V			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2122150062	BÙI NGUYỄN THIÊN	02/09/2004	CCQ2215D		1		5,0	4	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2122150084	NGUYỄN TRỌNG	21/09/2004	CCQ2215D		1		6,5	7	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	2122150092	CHÂU THANH	22/08/2004	CCQ2215D		1		8,5	7,5	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2122150051	HỒ ĐỨC	02/07/2004	CCQ2215D		1		7,3	8,5	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	2122150056	PHAN VĂN	06/11/2004	CCQ2215D		1		6,5	4,5	5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2122150076	PHAN VĂN NGỌC	08/08/2004	CCQ2215D			V	V			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9